

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2022/DS-PT

Ngày 17-11-2022

V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lâm;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vĩnh Khương;

Ông Trần Nam Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nghi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Ngọc Bích, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp đòi lại tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 90/2022/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 192/2022/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ T (Công ty Cổ phần T);

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Minh Th; địa chỉ: Số 538, đường T, Phường 5, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Theo Giấy ủy quyền ngày 13 tháng 8 năm 2022). (có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S;

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Người kháng cáo: Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ T - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 6 năm 2022 của nguyên đơn Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ T (Công ty Cổ phần T) và trong quá

trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Võ Minh Th trình bày:

Từ khi thành lập Công ty Cổ phần T tới trước khi đi vào hoạt động tháng 3/2020, trong thời gian này, dù Công ty Cổ phần T chưa chính thức hoạt động nhưng hoạt động tài chính, đầu tư vẫn liên tục được triển khai. Công ty Cổ phần T phát hiện sự việc ngày 09/01/2020, khi nhận lại được tiền ký quỹ do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng hoàn trả, ông Nguyễn Văn S là Tổng Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật, đã tự ý dùng chữ ký của ông, con dấu của Công ty Cổ phần T để rút số tiền này từ tài khoản tại PyeomBank của Công ty Cổ phần T số tiền là 155.000.000 đồng để sử dụng mà không có chứng từ chứng minh. Đã nhiều lần, Chủ tịch Hội đồng quản trị nhắc nhở ông S cần có chứng từ thu, chi rõ ràng nhưng ông S đều đưa ra những khoản chi không hợp lệ, không có chứng từ, hóa đơn và cho tới nay ông vẫn chưa hoàn trả số tiền trên cho Công ty Cổ phần T. Vào các ngày 01/12/2021 và ngày 27/12/2021, Công ty Cổ phần T gửi văn bản yêu cầu ông S tới Công ty Cổ phần T làm việc cụ thể về khoản tài chính nêu trên nhưng ông S không tới cũng không nói rõ lý do. Đến ngày 05/01/2022, Công ty Cổ phần T họp Đại Hội đồng cổ đông bất thường quyết định bãi miễn chức danh Tổng Giám đốc đối với ông S, đồng thời có làm đơn gửi chính quyền địa phương nhờ sự hỗ trợ của chính quyền địa phương làm trung gian để mời ông S tới Công ty Cổ phần T làm việc về khoản tài chính nêu trên. Chính quyền địa phương đã hỗ trợ, mời ông S tới Công ty làm việc để giải quyết nhưng ông S cũng không đến.

Do đó, Công ty Cổ phần T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S trả lại số tiền 155.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:

Ngày 30/6/2022, ông đã cung cấp cho Tòa án chứng cứ là Lệnh “TRA SOÁT ĐI” ngày 21/06/2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) từ Phòng giao dịch M, bản sao chứng thực. Theo Lệnh trên thì phía Công ty Cổ phần T có nộp thuế tiền sử dụng đất là 155.778.800 đồng, ông S đã dùng số tiền của cá nhân ông để nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất (cây xăng) cho Công ty Cổ phần T, vì thời điểm đó Công ty Cổ phần T không có quỹ tiền mặt, để thuận tiện cho hoạt động của Công ty mà ông là Tổng Giám đốc nên ông đã dùng tiền cá nhân để nộp. Ngày 09/01/2020, ông mới rút số tiền 155.000.000 đồng để ông lấy lại. Nay ông có chứng từ hợp lệ vì trước đây đã bị thất lạc, ông đã tìm được Lệnh “TRA SOÁT ĐI” ngày 21/06/2019. Do đó, ông không có nợ Công ty Cổ phần T nên ông không đồng ý trả.

Tại Bản án số 90/2022/DS-ST ngày 05/9/2022, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ T, về việc yêu cầu ông Nguyễn

Văn S trả lại số tiền 155.000.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng). Ngoài ra, trong bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Đến ngày 19/9/2022, Công ty Cổ phần T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần T không rút đơn khởi kiện, không rút kháng cáo và các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Đối với yêu cầu kháng cáo Công ty Cổ phần T là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của Công ty Cổ phần T đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, đúng người có quyền kháng cáo, còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện để giải quyết, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của Công ty Cổ phần T, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty Cổ phần T cho rằng vào ngày 09/01/2020, ông S có rút số tiền 155.000.000 đồng từ tài khoản tại PyeomBank của Công ty Cổ phần T và ông S cũng thừa nhận việc này. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các bên đương sự không phải chứng minh.

[4] Công ty Cổ phần T cho rằng ông S rút số tiền nêu trên để sử dụng mà không có chứng từ chứng minh nên đòi lại, còn ông S cho rằng trước đó vào ngày 21/6/2019, ông đã dùng tiền cá nhân của mình là 155.778.800 đồng để nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất (cây xăng) cho Công ty Cổ phần T, vì thời điểm đó Công ty Cổ phần T không có quỹ tiền mặt và ông là Tổng giám đốc Công ty, đến ngày 09/01/2020 ông mới rút số tiền 155.000.000 đồng của Công ty để lấy lại.

[5] Lời trình bày của ông S là có căn cứ. Bởi lẽ, trong quá trình giải quyết vụ án, ông S có cung cấp cho Tòa án bản sao chứng thực lệnh “TRA SOÁT ĐI”

ngày 21/6/2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Phòng giao dịch M (bút lục 36) thể hiện Công ty Cổ phần T có nộp thuế tiền sử dụng đất là 155.778.800 đồng. Theo “LỆNH CHUYỂN CỐ” ngày 26/6/2019 do Kho bạc Nhà nước huyện K cung cấp (bút lục 41) thể hiện vào ngày 26/6/2019 có chuyển vào Kho bạc số tiền 155.778.800 đồng nội dung là Công ty Cổ phần T nộp thuế đất, người nhận tiền là Chi cục thuế huyện K - Cục thuế tỉnh Sóc Trăng, còn người trả tiền thì không xác định. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cũng thừa nhận Công ty Cổ phần T hoạt động phải nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất, ông S là người nộp tiền, nhưng cho rằng tiền ông S nộp là tiền của Công ty Cổ phần T, tuy nhiên người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần T cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh Công ty Cổ phần T có chi số tiền 155.778.800 đồng để nộp thuế. Như vậy, có đủ căn cứ xác định ông S có dùng tiền cá nhân của mình 155.778.800 đồng để nộp tiền thuế đất cho Công ty Cổ phần T và đến ngày 09/01/2020, ông S đã rút số tiền 155.000.000 đồng từ tài khoản của Công ty Cổ phần T để lấy lại trả cho ông. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần T là có căn cứ. Trong giai đoạn phúc thẩm, Công ty Cổ phần T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty.

[6] Các phần khác trong quyết định của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Công ty Cổ phần T, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Cổ phần T là người kháng cáo không được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Công ty Cổ phần T phải chịu án phí là 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 90/2022/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ T, về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn S trả lại số tiền 155.000.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ T phải chịu là 7.750.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.875.000 đồng (Ba triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003871 ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng và như vậy, Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ T còn phải nộp thêm án phí là 3.875.000 đồng (Ba triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Văn S không phải chịu.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ T phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004697 ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng và như vậy, Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Kế Sách;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Lâm